

## ĐỀ NGOẠI THẦN KINH Y5 – NĂM HỌC 2020

**Câu 1 :** Bệnh nhân hôn mê sau tai nạn giao thông, thở máy, kích thích đau nhắm mắt, đáp ứng đau không chính xác, có thang điểm Glasgow là

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8
- E. 9

**Câu 2 :** Chỉ định chụp CT-Scan sọ não trong chấn thương sọ não chọn câu sai:

- A. Bệnh nhân lơ mơ nói nhảm
- B. Chảy dịch trong ra mũi
- C. Co giật sau chấn thương
- D. Chảy máu mũi
- E. Đau đầu nhiều và liên tục

### **Tình huống sử dụng cho câu 3-4**

Bệnh nhân nữ 24 tuổi, nhập viện sau tai nạn giao thông. Khám: mê GCS 6 điểm, bóp bóng giúp thở qua nội khí quản; đồng tử trái 5mm, PXAS (-); đồng tử phải 3mm PXAS (+). Mạch 60 lần/phút; HA 140/90 mmHg. Sưng nề vùng đỉnh chẩm trái. Ctscan sọ não: Máu tụ ngoài màng cứng cấp tính thể tích 40 cm<sup>3</sup> thái dương – đỉnh trái, lệch đường giữa sang phải 10mm, xóa bề dịch não tủy quanh thân não

**Câu 3 :** Phương pháp điều trị đúng nhất:

- A. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- B. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scan sau 24h
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scan sau 2h
- E. Phẫu thuật sau 24h

Bệnh nhân này được phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ. Sau mổ 4h, thăm khám lại bệnh nhân ghi nhận: bệnh nhân hôn mê, GCS = 5 điểm. Đồng tử phải 5mm, mất phản xạ ánh sáng; đồng tử trái 3mm, còn phản xạ ánh sáng. Mạch 58 lần/phút; HA 160/80

**Câu 4 :** Thái độ xử trí lúc này

- A. Tiếp tục điều trị chống phù não
- B. Phẫu thuật lại
- C. Chụp CT-Scan sọ não khẩn
- D. Theo dõi, đánh giá lại sau 4 giờ nữa
- E. Đặt lại hệ thống theo dõi áp lực nội sọ

### **Tình huống sử dụng cho câu 5-6**

Bệnh nhân nam, 45 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS = 7 điểm, yếu ½ người trái, dẫn nhẹ đồng tử bên phải, sưng to vùng thái dương trái

**Câu 5 :** Chẩn đoán lâm sàng được nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này:

- A. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
- B. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính bán cầu phải
- C. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái
- D. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính bán cầu trái
- E. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

**Câu 6 :** Chỉ định cận lâm sàng hợp lý nhất trên bệnh nhân này:

- A. CT-Scan sọ não không cản quang

- B. MRI sọ não
- C. XQ sọ não
- D. CT-Scan sọ não có bơm thuốc cản quang
- E. Chụp mạch máu não (Angiography)

**Câu 7 :** Máu tụ ngoài màng cứng cấp tính do chấn thương sọ não, điều nào sau đây đúng

- A. Thường kèm theo đập não
- B. Liên quan đến cơ chế chấn động dội
- C. Nứt sọ là nguyên nhân thường gặp
- D. Thường có máu trong DNT
- E. Do đứt các tĩnh mạch liên lạc

**Câu 8 :** Bệnh nhân nam 28 tuổi, được đưa vào bệnh viện sau tai nạn giao thông. Khám: mê, GCS 4 điểm, đã đặt nội khí quản và bóp bóng giúp thở, đồng tử hai bên 4mm, phản xạ ánh sáng (-), mất phản xạ mắt búp bê. Mạch 60 lần/phút, HA 140/90 mmHg. Sưng nề cùng chẩm 2 bên

BN được chụp CT-Scan sọ não có kết quả như sau: đập não kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa, xóa các bể dịch não tủy trước cầu não

Phương pháp điều trị đúng nhất

- A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ trán hai bên lấy máu tụ và giải ép
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi chụp lại CT-Scan sau 24h
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scan sau 2h
- E. Phẫu thuật sau 24h

**Câu 9 :** Sau 1 chấn thương sọ não, có nước chảy ra từ mũi là do

- A. Viêm xoang sau chấn thương
- B. Vỡ sán sọ trước
- C. Vỡ xương thái dương
- D. Tắc lệ đạo sau chấn thương
- E. Viêm mũi

**Câu 10 :** Bệnh nhân nữ, 30 tuổi vào cấp cứu sau tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân lừ đừ, GCS 14 điểm, không dấu thần kinh khu trú, có vết thương da đầu khoảng 6cm ở vùng đỉnh trái phức tạp, thăm sát vết thương thấy có vỡ xương sọ bên dưới và một ít nhu mô não

Chẩn đoán lâm sàng hợp lý trên bệnh nhân này

- A. Vết thương sọ não
- B. Lỗm sọ hở
- C. Lỗm sọ kín
- D. Chưa đủ dữ kiện lâm sàng để chẩn đoán xác định

**Câu 11 :** Điều trị vết thương sọ não , chọn câu đúng

- A. Khâu vết thương tại phòng cấp cứu, dùng kháng sinh và cho về nhà
- B. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não
- C. Nhập viện theo dõi và phẫu thuật khi có biến chứng
- D. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau 1 tuần
- E. Nhập viện, phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não

**Câu 12 :** Trong những ngày đầu, biến chứng thường gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân vết thương sọ não:

- A. Abscess não
- B. Viêm màng não
- C. Nhiễm trùng huyết
- D. Viêm não thất
- E. Động kinh

**Câu 13 :** Những nhận định sau đây về u não, chọn câu SAI

- A. Khoảng 50% khối u ở não là u di căn

- B. Động kinh ở người trưởng thành luôn là triệu chứng của khối u não
- C. Việc điều trị u não hiện nay là sự kết hợp của nhiều phương pháp: phẫu thuật, xạ trị, hóa trị
- D. Khối u não hiện nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ sự áp dụng CT-Scanner, MRI rộng rãi
- E. Hiện nay, tỉ lệ khối u di căn ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn

**Tình huống lâm sàng câu 14-15**

Bệnh nhân nam, 44 tuổi đến khám vì tê ½ người phải. Cách 3 tháng xuất hiện cơn co giật toàn thể, kéo dài khoảng 2 phút, mất ý thức trong cơn, sau cơn trở lại bình thường. Cơn tương tự xảy ra cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê ½ người bên phải

**Câu 14 :** Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất

- A. Xuất huyết não
- B. U não
- C. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính
- D. Túi phình mạch máu não
- E. Abscess não

**Câu 15 :** Các cận lâm sàng cần làm để chẩn đoán trên bệnh nhân này ( tối ưu nhất)

- A. Điện não đồ
- B. Điện não đồ + huyết thanh chẩn đoán ký sinh trùng
- C. MRI não có Gd
- D. CT-Scan não có cản quang và điện não đồ
- E. MRI não có Gd và điện não đồ

**Câu 16 :** Theo thang điểm Glasgow, chấn thương sọ não được xem là nặng khi số điểm là, chọn câu đúng

- A. 12 – 14
- B. 13 – 15
- C. 9 – 12
- D. 3 – 8
- E. 9 – 14

**Câu 17 :** Bệnh nhân nam, 45 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau tai nạn giao thông. Khám: mê, GCS = 7 điểm, yếu ½ người phải, dẫn đồng tử bên trái 5mm PXAS (-), sưng to vùng thái dương trái. Ctscan: khối máu tụ ngoài màng cứng trán – thái dương trái khoảng 40 gram, kèm lớp máu tụ dưới màng cứng bán cầu phải bề dày < 1 mm, đường giữa di lệch sang phải 7mm, xẹp não thất bên trái

Chỉ định điều trị đúng nhất

- A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2h
- D. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng
- E. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng bên trái và máu tụ dưới màng cứng bên phải

**Tình huống sử dụng cho 3 câu (18-19-20)**

Bệnh nhân nam 53 tuổi, bị TNGT không rõ cơ chế, sau tai nạn tỉnh táo, liệt hoàn toàn hai chân nên được đưa đến cấp cứu: Khám: bệnh tỉnh táo, GCS = 15 điểm, liệt hoàn toàn hai chân sức cơ 0/5, sức cơ gốc chi hai tay 5/5, yếu nhẹ động tác cầm nắm hai bàn tay, giảm cảm giác từ ngang vai trở xuống, tiểu qua sonde

**Câu 18 :** Vị trí tổn thương thần kinh tủy sống thường gặp trên bệnh nhân này là:

- A. Tủy sống ngực cao
- B. Tủy cổ cao
- C. Tủy cổ thấp
- D. Vùng chóp tủy
- E. Tất cả đều sai

**Câu 19 :** Hình ảnh học nên được thực hiện đầu tiên tại cấp cứu

- A. X quang cột sống cổ thẳng, nghiêng

- B. X quang cột sống cổ, ngực thẳng nghiêng
- C. X quang cột sống ngực, thắt lưng thẳng nghiêng
- D. X quang cột sống cổ thẳng nghiêng, tư thế há miệng
- E. Tất cả đều sai

**Câu 20 :** Kết quả X quang cột sống cổ nghiêng chỉ thấy đến C5-C6 và X quang cột sống ngực, thắt lưng đều nằm trong giới hạn bình thường, Hình ảnh học cần thực hiện tiếp theo là gì

- A. CT scan cột sống ngực
- B. ST scan cột sống cổ
- C. MRI cột sống ngực
- D. MRI cột sống cổ
- E. Tất cả đều sai

**Bệnh cảnh lâm sàng câu 21-23:**

Bệnh nhân nam 23 tuổi, té từ độ cao 5m chống 2 gót chân khi tiếp đất, đau lưng nhiều và yếu 2 chân được sơ cứu tại BV huyện và được chuyển lên tuyến trên. Khám: Yếu 2 chân sức cơ 2/5, tê bì từ ngang rốn trở xuống. Đã được đặt sonde tiểu do có cầu bàng quang.

**Câu 21 :** Phương pháp sơ cứu thích hợp nhất tại hiện trường, chọn câu sai:

- A. Vác bệnh nhân ra khỏi hiện trường và đưa đến bệnh viện càng sớm càng tốt
- B. Cho nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối ra khỏi hiện trường
- C. Có thể đặt bệnh nhân trên tấm ván để cố định bệnh nhân
- D. Nên đặt 2 túi cát ở hai bên đầu để cố định cột sống cổ
- E. Có thể lăn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển

**Câu 22 :** Các thương tổn thường gặp ở bệnh nhân này là gì:

- A. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng.
- B. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách, thận
- C. Chấn thương tạng rỗng
- D. A+B đúng
- E. A+C đúng

**Câu 23 :** Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoảng:

- A. D7
- B. D10
- C. L1
- D. L5
- E. Tất cả đều sai

**Câu 24 :** . Phân loại Frankel ở bệnh nhân này:

- A. A
- B. B
- C. C
- D. D
- E. E

**Câu 25 :** CLS được thực hiện tại cấp cứu là gì:

- A. Xquang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng
- B. CTscan cột sống ở vị trí thương tổn
- C. MRI cột sống ở vị trí thương tổn
- D. A+B đúng
- E. A+C đúng

**Bệnh cảnh lâm sàng câu 26-27:**

Hình ảnh CLS trên bệnh nhân này cho thấy có vỡ toàn bộ thân đốt sống và có mảnh rời chèn vào ống sống gây hẹp > 50% đường kính ống sống.

**Câu 26 :** Theo phân loại của Denis đây là gãy loại gì

- A. Gãy lún thân
- B. Gãy vỡ thân
- C. Gãy trật
- D. Gãy kiểu dây đai
- E. Tất cả đều sai

**Câu 27 :** Hướng điều trị tốt nhất cho bệnh nhân là gì:

- A. Nhập khoa ngoại thần kinh theo dõi và điều trị nội
- B. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống
- C. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống và nẹp vis cố định cột sống
- D. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu
- E. Tất cả đều sai

**Chọn một câu trả lời đúng nhất**

**Câu 28 :** Độ tuổi thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát:

- A. Trẻ em
- B. Người già
- C. Trưởng thành
- D. Trung niên xoay quanh 50 tuổi

**Câu 29 :** Xác định vị trí giải phẫu xuất huyết dưới nhện tự phát:

- A. Có máu trong khoang dưới nhện
- B. Có máu trong khoang dưới màng cứng
- C. Có máu trong các bể nền
- D. Có máu trong các rãnh vỏ não

**Câu 30 :** Triệu chứng cơ năng có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát:

- A. Đau đầu dữ dội
- B. Cứng cổ
- C. Đau đầu khởi phát đột ngột và dữ dội
- D. Mất ý thức

**Câu 31 :** Giá trị thực thể có dấu hiệu gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát

- A. Yếu nửa người
- B. Liệt các dây sọ
- C. Thay đổi tri giác
- D. Dấu cổ gượng

**Câu 32 :** Bảng phân độ bn xuất huyết dưới nhện tự phát theo Hunt-hess hoặc WFNS có giá trị

- A. Tiên lượng bệnh nhân
- B. Giúp lựa chọn điều trị thích hợp
- C. Giúp theo dõi BN tốt hơn
- D. Tiên lượng bệnh nhân và lên kế hoạch điều trị thích hợp

**Câu 33 :** Nguyên nhân thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát

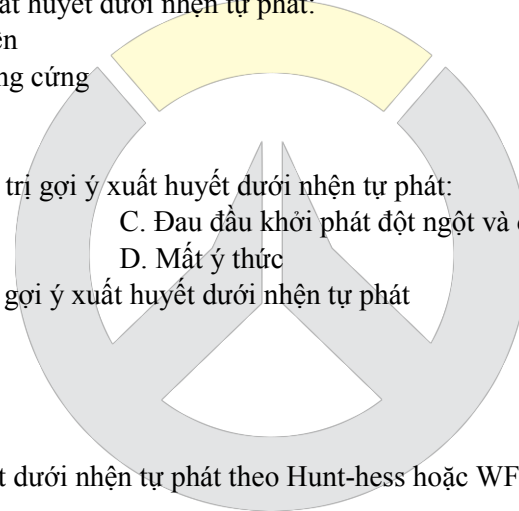
- A. Do vỡ túi phình động mạch não
- B. Do tăng huyết áp
- C. Do dị dạng mạch máu não
- D. Do viêm thành mạch máu

**Câu 34 :** Sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát gây hại cho BN là

- A. Dẫn đến kết quả thiếu máu não
- B. Dẫn đến tăng áp lực nội sọ
- C. Dẫn đến giãn não thất
- D. Dẫn đến cơ mạch não

**Câu 35 :** XN có giá trị xác định xuất huyết dưới nhện tự phát trong giai đoạn sớm

- A. CT-scan sọ không cần quan
- B. CT-scan sọ có cần quan
- C. MRI sọ não



- D. Chọc dò dịch não tủy
- Câu 36 :** XN có giúp chẩn đoán xuất huyết dưới nhện trong giai đoạn muộn
- A. Chọc dò dịch não tủy
- B. Chụp MRI sọ não
- C. Không có xét nghiệm giá trị
- D. A và B đúng
- Câu 37 :** XN có giá trị chẩn đoán nguyên nhân xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. CT tái tạo mạch máu não
- B. Chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền
- C. Chụp hình MRA
- D. Tất cả các XN trên



- Câu 38 :** Nguyên nhân tử vong chính trong giai đoạn sớm sau xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Tái xuất huyết
  - B. Giãn não thất
  - C. Co thắt mạch
  - D. Nhồi máu não
- Câu 39 :** Nguyên nhân chính gây tàn tật trong giai đoạn muộn của xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Co thắt mạch
  - B. Rối loạn điện giải
  - C. giãn não thất
  - D. Viêm phổi
- Câu 40 :** Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn và bền vững
  - B. Loại bỏ nguy cơ tái xuất huyết
  - C. Loại bỏ túi phình bằng can thiệp nội mạch
  - D. Loại bỏ túi phình bằng cách phẫu thuật mở sọ kẹp túi phình
- Câu 41 :** điều trị nội khoa trong giai đoạn đầu sau xuất huyết dưới nhện tự phát?
- A. Nhằm hạn chế nguy cơ tái vỡ.
  - B. Chống co thắt mạch.
  - C. Phòng ngừa động kinh.
  - D. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu.
- Câu 42 :** Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện
- A. Cần có sự can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh.
  - B. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn.
  - C. Điều trị phẫu thuật được ưu tiên lựa chọn mô số vị trí.
  - D. Tất cả các câu đều đúng.
- Câu 43 :** điều trị can thiệp nội mạch trong xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình được ưu tiên
- A. Tình trạng lâm sàng nặng.
  - B. Không có khối choáng chỗ phổi hợp.
  - C. Túi phình tuần hoàn sau.
  - D. Tất cả các yếu tố trên.
- Câu 44 :** biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện
- A. Co thắt mạch.
  - B. Giãn não thất muộn.
  - C. Động kinh.
  - D. Tất cả các yếu tố trên.
- Câu 45 :** những yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện
- A. Xuất huyết dưới nhện nhiều.
  - B. Tình trạng lâm sàng nặng.
  - C. Cả 2 câu trên đều đúng.
  - D. Hai câu trên đều đúng.( móa 2 đáp án giống nhau)
- Câu 46 :** điều trị nội khoa trong co thắt mạch
- A. Nimodipine có vai trò trong phòng ngừa co thắt mạch.
  - B. Nimodipine cải thiện tiên lượng thần kinh.
  - C. Tăng truyền dịch.
  - D. Câu A và B đúng.
- Câu 47 :** đầu nước chọn câu SAI
- A. Triệu chứng lâm sàng thường không đặc hiệu và khó chẩn đoán.
  - B. Gây giãn rộng não thất và tăng áp lực nội sọ.



- C. Có thể diễn tiến cấp tính gay tử vong.
- D. Triệu chứng có thể khác nhau ở trẻ nhỏ và trẻ lớn.
- E. Câu B và C đúng.

**Câu 48 :** bệnh đầu nước trẻ em

- A. Thường chỉ phát hiện được sau sanh.
- B. Không liên quan yếu tố di truyền.
- C. Tiến triển bệnh thay đổi theo thời gian.
- D. Chỉ cần chẩn đoán và điều trị nguyên nhân là hiệu quả.

**Câu 49 :** cơ chế bệnh đầu nước. chọn câu SAI

- A. Do tăng tiết quá mức dịch não tủy (DNT).
- B. Do u tủy tắc nghẽn lưu thông.
- C. Tình trạng kém hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện.
- D. U đám rối mạch mạc thường gây đầu nước thông thương.
- E. Sự cân bằng giữa hấp thu và bài tiết DNT là cân đối.

**Câu 50 :** liên quan đến bệnh đầu nước :

- A. Phát hiện dễ ở 3 tháng đầu thai kỳ bằng siêu âm 3,4 chiều.
- B. Yếu tố nguy cơ : mẹ bị tiểu đường,tăng huyết áp, tiền sản giật....
- C. Đa số trẻ bị chậm phát triển trí tuệ dù có điều trị tích cực.
- D. Cho đến nay VP shut vẫn là phương pháp điều trị phổ biến.
- E. Nên khuyến cáo chấm dứt thai kì ngay khi phát hiện.

**Câu 51 :** Điều trị bệnh đầu nước, chọn câu SAI

- A. Tùy thuộc vào nguyên nhân
- B. Tùy thuộc vào diễn tiến bệnh
- C. Phẫu thuật nội soi mở thông sàn não thất III rất hiệu quả trong bệnh đầu nước tắc nghẽn
- D. Điều trị nội khoa ít quan trọng
- E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau kho loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn

**Câu 52 :** Đặc điểm thoát vị tủy – màng tủy. Chọn câu sai

- A. Thường phát hiện rõ sau sanh từ 6 tháng tuổi
- B. Gặp ở vùng thắt lưng – cùng
- C. Có thể dò dịch não tủy
- D. Có liên quan đến acid folic
- E. Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp

**Câu 53 :** Dị tật cột sống chẻ đôi

- A. Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn
- B. Xảy ra từ tuần 13-15 phôi thai
- C. Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào thành phần trong khối thoát vị
- D. Câu A và B đúng
- E. Câu A và C đúng

**Câu 54 :** Dị tật cột sống chẻ đôi kín

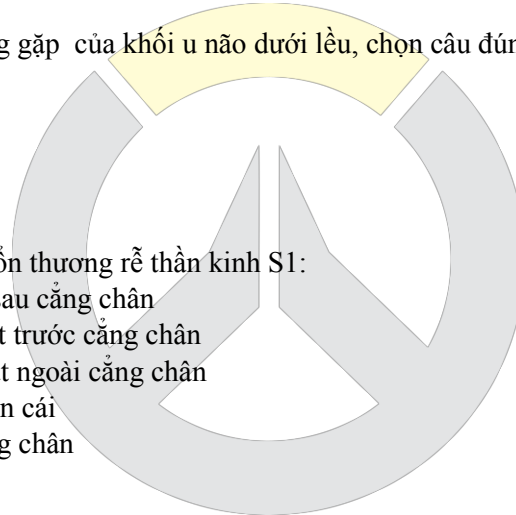
- A. Bao gồm: thoát vị tủy – màng tủy – mỡ, xoang bì, nang thần kinh – ruột
- B. Thường phát hiện trễ hơn dị tật hở
- C. Đôi khi có biến chứng nhiễm trùng
- D. Câu A, B đúng
- E. Câu A,B, C đúng

**Câu 55 :** Biểu hiện ngoài da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi, chọn câu sai

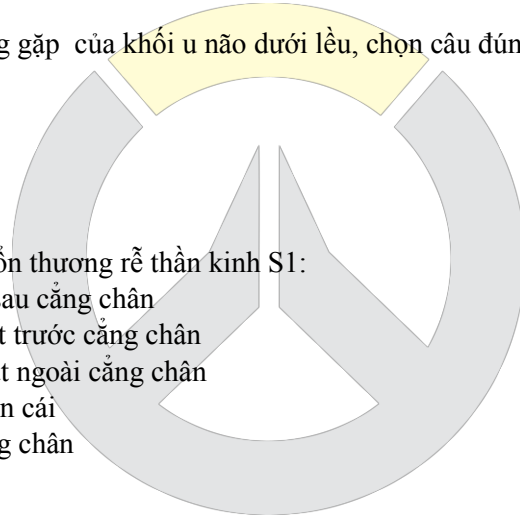
- A. Khối u mỡ trên đường giữa, cạnh gờ cột sống
- B. Rậm lông
- C. Ấn lõm hình đồng tiền
- D. bứt máu



- E. ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian mông
- Câu 56 :** tầm soát dị tật ống thần kinh
- A. thực hiện trong 3 tháng đầu thai kì
- B. Các xét nghiệm: Siêu âm thai, AFP, chọc ối
- C. Luôn được khueyen cáo phá thai khi có chẩn đoán dương tính
- D. Có thể bỏ sót 30 – 50% trường hợp
- E. Tất cả đều đúng
- Câu 57 :** Trong dị tật cột sống chẻ đôi, các trường hợp sau đây cần được xem xét mổ khẩn
- A. Thoát vị tủy - màng tủy hở
- B. Thoát vị màng tủy mà màu sắc da trên khối thoát vị trở nên dần mỏng, hoại tử
- C. Nang xoang bì chưa có biểu hiện nhiễm trùng
- D. Câu A, B đúng
- E. Cả 3 câu đều đúng
- Câu 58 :** Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não
- A. Máu tụ trong não
- B. Phù não
- C. Thiếu máu não
- D. Tụt não
- E. Nứt sọ
- Câu 59 :** Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não dưới lều, chọn câu đúng
- A. Mất trí nhớ
- B. Co giật
- C. Dáng đi loạng choạng
- D. Yếu liệt
- E. Thờ ơ, ít tiếp xúc
- Câu 60 :** Triệu chứng lâm sàng của tổn thương rễ thần kinh S1:
- A. Đau mặt sau đùi, mặt sau cẳng chân
- B. Đau mặt trước đùi, mặt trước cẳng chân
- C. Đau mặt ngoài đùi, mặt ngoài cẳng chân
- D. Yếu động tác duỗi ngón cái
- E. Yếu động tác duỗi cẳng chân



- E. ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian mông
- Câu 56 :** tầm soát dị tật ống thần kinh
- A. thực hiện trong 3 tháng đầu thai kì
- B. Các xét nghiệm: Siêu âm thai, AFP, chọc ối
- C. Luôn được khueyen cáo phá thai khi có chẩn đoán dương tính
- D. Có thể bỏ sót 30 – 50% trường hợp
- E. Tất cả đều đúng
- Câu 57 :** Trong dị tật cột sống chẻ đôi, các trường hợp sau đây cần được xem xét mổ khẩn
- A. Thoát vị tủy - màng tủy hở
- B. Thoát vị màng tủy mà màu sắc da trên khối thoát vị trở nên dẫn mỏng, hoại tử
- C. Nang xoang bì chưa có biểu hiện nhiễm trùng
- D. Câu A, B đúng
- E. Cả 3 câu đều đúng
- Câu 58 :** Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não
- A. Máu tụ trong não
- B. Phù não
- C. Thiếu máu não
- D. Tụt não
- E. Nứt sọ
- Câu 59 :** Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não dưới lều, chọn câu đúng
- A. Mất trí nhớ
- B. Co giật
- C. Dáng đi loạng choạng
- D. Yếu liệt
- E. Thờ ơ, ít tiếp xúc
- Câu 60 :** Triệu chứng lâm sàng của tổn thương rễ thần kinh S1:
- A. Đau mặt sau đùi, mặt sau cẳng chân
- B. Đau mặt trước đùi, mặt trước cẳng chân
- C. Đau mặt ngoài đùi, mặt ngoài cẳng chân
- D. Yếu động tác duỗi ngón cái
- E. Yếu động tác duỗi cẳng chân



1. Case viêm thận bể thận điển hình. 2. Trường hợp không cấp cứu ngoại khoa: nghi nhiễm khuẩn huyết. 3. Đặc điểm quan trọng của Viêm thận-bể thận: ngược dòng BQ-NQ, dây vk từ đường tiêu hoá,... 4. Nguyên nhân viêm thận bể thận trên BN nữ 22t tiền căn 3 lần viêm BQ cấp, 2 lần viêm thận bể thận cấp: ngược dòng, tiểu nhiều lần, dây vk từ đường tiêu hoá,... 5. BN nữ đau lưng 5 ngày, SA sỏi niệu quản lưng 5mm ứ nước độ 1, BC 8k điều trị: ks giảm đau, chuyển lưu nước tiểu giải áp, điều trị nội khoa,...
2. triệu chứng quan trọng nhất của bàng quang tăng hoạt (OAB)? Biến chứng ít gặp nhất của OAB? Can thiệp nào không sử dụng điều trị cho OAB? CLS nào không sử dụng điều trị bước đầu trong OAB?
3. 1, Biến chứng thường gặp của cắt đốt TTL qua ngã niệu đạo: chảy máu, xuất tinh ngược, rldc,... 2, thể tích ttl liên quan vs 3, case ls điển hình viêm tuyến tl chọn cls gì 4, thụ thể alpha nào liên quan 5, pde5 ko dc dùng vs ngoại trừ
4. 6. Chọn câu đúng về rl cương: tìm nguyên nhân và bệnh kèm quan trọng? 7. Khám thực thể rl cương: khám sàng chậu, khám phản xạ cái gì ở dưới á :)), khám trực tràng, các ytnic tìm mạch k quan trọng 8. Cls rl cương 9. Điều trị rl cương 10. K nhớ 11. IPSS trung bình 8-19đ
5. 30. Bệnh nhân nữ, 20t, nhập viện đau hông lưng + tiểu gắt buốt, khám sinh hiệu ổn, dễ kháng thành bụng (-), phản ứng dội (-). Chuẩn đoán nghi đến: A. Viêm ruột thừa cấp B. Viêm phần phụ cấp C. Viêm túi mật cấp D. Con đau quận thận cấp 31. Bệnh nhân nữ, sốt, lạnh rung + đau hông lưng. Tiền căn 5 lần viêm bàng quang, 2 lần viêm thận bể thận. Yếu tố gây viêm thận bể thận cấp lần này? #Trào ngược bàng quang niệu quản 32. Yếu tố thuận lợi cho viêm thận bể thận #Ngược dòng do trào ngược bàng quang niệu quản 34. Yếu tố nào không là yếu tố gây NTT phức tạp #Tăng huyết áp, COPD
6. 24. Tác nhân gây NK niệu ở phụ nữ mang thai thường gặp? 25. KS điều trị NK phụ thuộc? 28. Điều trị NK niệu ko triệu chứng trên đối tượng nào? 29. Tầm soát NK niệu ko triệu chứng trên đối tượng nào?
7. 1. Đm nào sau đây k cấp máu cho dương vật: A. Đm lưng dương vật B. Đm thể hang C. Đm hành niệu đạo D. Đm thận ngoài. 2. Quá trình nào sau đây không có trong cương dương: A. Dẫn cơ trơn ĐM B. Đáp án j j đó quên mẹ nó r C. Xoang hang chứa đầy máu. D. Các TM thể hang bị dè ép. 3. Chất dẫn truyền nào quan trọng trong quá trình cương dương A. GABA B. NO C. VIP D. 4. Điều nào sau đây không đúng. A. NO kích hoạt men guanylate Cylase B. Men Guanylate Cylase làm đóng kênh Ca2+, mở kênh K+ C. Nồng độ caxi nội bào thấp làm giảm trương lực cơ trơn mạch máu. D. Guanylate cylase bị thủy phân bởi men phosphodiesterase 5. Điều nào sau đây không đúng về nguyên nhân rối loạn cương dương: A. Phẫu thuật lớn vùng chậu gây ảnh hưởng lớn đến việc cương dương. B. Bn thường có nhiều nguyên nhân cùng tồn tại, gây ảnh hưởng đến việc cương dương. C. Nguyên nhân tâm lý thường ít gặp. D. Nguyên nhân bệnh lý tim mạch thường có ảnh hưởng đến quá trình cương dương
8. 41. Định nghĩa đúng về triệu chứng đường tiết niệu dưới, ngoại trừ; A. Tiểu gấp. **B. Tiểu đêm (>3 lần)**, C. Tiểu không kiểm soát, D. Tiểu dầm. 42. Triệu chứng tổng xuất: A. Tiểu khó B. Tiểu ngắt ngừng, C. Tiểu không hết, D. Tiểu nhiều lần (>8), 43. Ứ đọng nước tiểu gây hậu quả: A. Bể tắc, B. Tiểu gấp, C. Tồn lưu nước tiểu, D. Chướng nước đường tiết niệu trên, 44. 3 Giai đoạn bể tắc đường ra, ngoại trừ: đáp án là giai đoạn bù trừ. 45. Triệu chứng ĐTN dưới gây ra hậu quả, ngoại trừ: A. Bàng quang hỗn loạn thần kinh, B. Nhiễm khuẩn đường tiết niệu, C. Sỏi, D. Tồn thương đường tiết niệu trên





# NGOẠI THẦN KINH (Neurosurgery) - TS. Phạm Anh Tuấn: Trưởng Bộ môn - ThS. Đỗ Hồng Hải: Leader

Dashboard ► Courses ► Khoa Y ► CHƯƠNG TRÌNH MỚI ► Năm 5 ►  
(Neurosurgery ► Pre-test ► Pre-test chấn thương cột sống

## Question 1

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Các thương tổn thường gặp ở bệnh nhân này là gì?

- ☐ a. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng.
- ☐ b. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận.
- ☐ c. Chấn thương tạng rỗng.
- ☒ d. A+B đúng
- ☐ e. A+C đúng

**Question 2**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Bệnh nhân nam 23t, nhập viện vì té cao 5m, tiếp đất hai gót chân. Sau té nhập viện địa phương sơ cứu và đặt sond tiểu do cầu bàng quang. Khám: đau lưng nhiều, yếu hai chân(2/5), tê bì ngang rốn trở xuống. Cấp cứu tại hiện trường, chọn câu sai.

- ☐ a. Có thể lăn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển.
- ☒ b. Vác bệnh nhân ra khỏi hiện trường và đưa tới bệnh viện càng sớm càng tốt.
- ☐ c. Có thể đặt bệnh nhân trên tấm ván để cố định bệnh nhân.
- ☐ d. Cần nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối ra khỏi hiện trường.
- ☐ e. Nên đặt hai túi cát ở 2 bên đầu để cố định cột sống cổ.

**Question 3**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoảng:

- ☐ a. L5
- ☐ b. Tất cả đều sai
- ☒ c. D10
- ☐ d. D 7
- ☐ e. L1

**Question 4**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Cận lâm sàng được thực hiện tại cấp cứu là gì?

- ☐ a. X-quang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.
- ☐ b. CTscan cột sống ở vị trí thương tổn.
- ☐ c. MRI cột sống ở vị trí thương tổn.
- ☒ d. A + B đều đúng
- ☐ e. A + C đều đúng.

**Question 5**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Phân loại Frankel ở bệnh nhân này:

- ☒ a. C
- ☐ b. D
- ☐ c. B
- ☐ d. E
- ☐ e. A







# NGOẠI THẦN KINH (Neurosurgery) - TS. Phạm Anh Tuấn: Trưởng Bộ môn - ThS. Đỗ Hồng Hải: Leader

Dashboard ► Courses ► Khoa Y ► CHƯƠNG TRÌNH MỚI ► Năm 5 ►  
(Neurosurgery ► Pre-test ► Pre-test thoát vị tửu màng tửu

## Question 1

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Ca lâm sàng: một bệnh nhi ngay sau khi được sanh mổ tại bệnh viện phụ sản, bác sĩ sản khoa phát hiện có khối phồng vùng thắt lưng – cùng kích thước 3x3 cm, có lớp màng mỏng bao phủ, bên trong có cấu trúc dạng ống màu hồng và dịch trong. Chẩn đoán nào có nhiều khả năng nhất

- ☐ a. U nang vùng thắt lưng – cùng
- ☐ b. Thoát vị tửu
- ☒ c. Thoát vị tửu - màng tửu
- ☐ d. Thoát vị màng tửu

**Question 2**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Cách sơ cứu ban đầu tại phòng sanh

- ☐ a. Rửa sạch khối tổn thương bằng dung dịch Betadine pha loãng
- ☒ b. Cho bé nằm nghiêng hoặc sấp, tránh tì đè trực tiếp lên tổn thương
- ☐ c. Chọc hút dịch nang để xét nghiệm
- ☐ d. Thay băng, đắp gạc vô trùng che chắn tổn thương

**Question 3**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Cận lâm sàng nào có giá trị chẩn đoán xác định

- ☐ a. Siêu âm cột sống
- ☒ b. Chỉ cần khám lâm sàng là đủ, thường không cần thêm cận lâm sàng
- ☐ c. Cộng hưởng từ cột sống
- ☐ d. Cộng hưởng từ toàn trục thần kinh

**Question 4**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Hướng điều trị bệnh lí này hiện nay

- ☐ a. Theo dõi chờ sau 2 – 3 tháng tuổi sẽ phẫu thuật
- ☐ b. Phẫu thuật sớm khi có triệu chứng thần kinh
- ☒ c. Phẫu thuật khẩn trong vòng 24h đầu sau sanh
- ☐ d. Phẫu thuật cấp cứu vì nguy cơ đe dọa tính mạng

**Question 5**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Tiên lượng lâu dài của bệnh lí

- ☒ a. Ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống
- ☐ b. Đa số trẻ không thể tự chăm sóc được
- ☐ c. Phát triển trí tuệ rất kém
- ☐ d. Tỷ lệ tử vong cao 85 – 90%



ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# NGOẠI THẦN KINH (Neurosurgery) - TS. Phạm Anh Tuấn: Trưởng Bộ môn - ThS. Đỗ Hồng Hải: Leader

Dashboard ► Courses ► Khoa Y ► CHƯƠNG TRÌNH MỚI ► Năm 5 ► (Neurosurgery ► Pre-test ►

Pre-test thoát vị đĩa đệm

## Question 1

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Bệnh sử có đau lan dọc xuống mông và chân, tăng đau lúc ho, hắt hơi, đi lại. Diễn tiến xuất hiện bệnh lý rễ L5 & S1 hai bên kèm mất cảm giác tăng sinh môn, yếu 2 chân, bí tiểu.

- ☐ a. Điển hình của thoát vị đĩa đệm khối lớn.
- ☐ b. Hội chứng đuôi ngựa.
- ☐ c. Là một cấp cứu
- ☒ d. Tất cả đều đúng.

**Question 2**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Chọn lựa hình ảnh học tối ưu để chẩn đoán nguyên nhân hội chứng đuôi ngựa:

- ☐ a. CT Scan cột sống thắt lưng.
- ☐ b. CT Scan có tiêm cản quang tan trong nước không ion hoá vào túi cùng màng tuỷ (CT-Myelography).
- ☐ c. Chụp túi cùng -bao rỗng với cản quang tan trong nước không ion hoá (sacro-radiculography).
- ☒ d. MRI cột sống thắt lưng.

**Question 3**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Một người bị đau lưng nhiều, kèm diễn tiến đau lan dọc mông một bên, lan dọc mặt sau đùi, mặt sau cẳng chân, kèm tê nhiều ngón chân út, yếu động tác gập bàn chân cùng bên và giảm phản xạ gân xương gót cùng bên. Bệnh cảnh này là bệnh lý rễ:

- ☐ a. L3
- ☐ b. L4
- ☐ c. L5
- ☒ d. S1

**Question 4**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Một người bị đau lưng nhiều, kèm diễn tiến đau lan dọc xuống mông phải, lan dọc mặt sau - ngoài đùi , mặt ngoài cẳng chân, kèm tê nhiều ngón chân cái, yếu động tác nâng bàn chân cùng bên. Bệnh cảnh này là bệnh lý rễ :

- ☐ a. L3
- ☐ b. L4
- ☒ c. L5
- ☐ d. S1

**Question 5**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

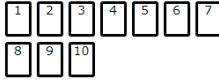
Người bệnh có bệnh lý rễ L5 một bên, diễn tiến nhanh chỉ vài ngày sau khiêng vác vật nặng. Nguyên nhân có thể do:

- ☐ a. Một khối mảnh rời của thoát vị đĩa đệm nằm ở vị trí sau bên khoảng đĩa đệm L4-L5.
- ☐ b. Một khối mảnh rời của thoát vị đĩa đệm nằm ở vị trí lỗ liên hợp (intervertebral foramen) L5-S1.
- ☒ c. a và b đều có thể xảy ra.
- ☐ d. a , b và c đều sai.





Quiz Navigation



Finish attempt ...

Time left 0:04:40

Question 1

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Bảng phân độ bệnh nhân xuất huyết dưới nhện tự phát theo Hunt-Hess hoặc WFNS có giá trị

- ☐ a. Giúp lựa chọn phương pháp điều trị phẫu thuật hay can thiệp mạch
- ☐ b. Tiên lượng cho bệnh nhân
- ☐ c. Giúp lên kế hoạch theo dõi và điều trị cho bệnh nhân
- ☒ d. Tất cả các ý trên đúng

Question 2

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện tự phát

- ☐ a. Rối loạn điện giải giảm Natri hoặc tăng Kali
- ☐ b. Giảm não thất muộn bắt buộc đặt dẫn lưu não thất ổ bụng
- ☐ c. Tất cả các ý trên
- ☐ d. Co thắt mạch gây thiếu hụt thần kinh

C

Question 3

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Cơ chế sinh lý của xuất huyết dưới nhện tự phát



Question 9

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Yếu tố dịch tễ phổ biến của xuất huyết dưới nhện tự phát:

- ☐ a. Trẻ em cũng có khả năng bị xuất huyết dưới nhện
- ☐ b. Trung niên xoay quanh 50 tuổi
- ☐ c. Nữ giới có nguy cơ cao hơn
- ☐ d. Tất cả các câu trên đều đúng

9D

Question 10

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện

- ☐ a. Tất cả đều đúng
- ☐ b. Xuất huyết não thất
- ☐ c. Vị trí túi phình tuần hoàn sau
- ☐ d. Tình trạng lâm sàng nặng

10D





**Question 5**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Điều trị nội khoa xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình động mạch não

- ☐ a. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu
- ☐ b. Dự phòng co thắt mạch
- ☐ c. Điều trị an thần nhằm giảm lo lắng cho người bệnh
- ☒ d. Điều chỉnh huyết áp nhằm cân bằng nguy cơ tái vỡ và nguy cơ thiếu máu não

**Question 6**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện

- ☐ a. Điều trị phẫu thuật kẹp cổ túi phình được lựa chọn một số vị trí
- ☐ b. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn trên tất cả bệnh nhân
- ☐ c. Tất cả các câu đều đúng
- ☒ d. Căn cứ sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh

6A



**Question 3**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán xuất huyết dưới nhện

- ☐ a. CT scan sọ không cản quang
- ☐ b. MRI sọ não
- ☐ c. Chọc dò dịch não tủy
- ☒ d. Tất cả các phương tiện trên

**Question 4**

Not yet  
answered

Marked out of  
1.00

Flag question

Diễn tiến sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát

- ☐ a. Tăng áp lực nội sọ
- ☐ b. Tổn thương cơ chế điều hòa não
- ☐ c. Co mạch não
- ☒ d. A và C đúng



Question 5

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Điều trị nội khoa xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình động mạch não

- ☐ a. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu
- ☐ b. Dự phòng co thắt mạch
- ☐ c. Điều trị an thần nhằm giảm lo lắng cho người bệnh
- ☒ d. Điều chỉnh huyết áp nhằm cân bằng nguy cơ tái vỡ và nguy cơ thiếu máu não

Question 6

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện

- ☐ a. Điều trị phẫu thuật kẹp cổ túi phình được lựa chọn một số vị trí
- ☐ b. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn trên tất cả bệnh nhân
- ☐ c. Tất cả các câu đều đúng
- ☐ d. Căn cứ sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh

6A



Question 7

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Điều trị xuất huyết dưới nhện tự phát

- ☐ a. Ngăn ngừa nguy cơ tái xuất huyết dưới nhện
- ☒ b. Tất cả các câu trên đều đúng
- ☐ c. Điều trị giãn não thất cấp
- ☐ d. Điều trị dự phòng co thắt mạch

Question 8

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Triệu chứng của xuất huyết dưới nhện

- ☒ a. Các ý trên đều đúng
- ☐ b. Đau đầu dữ dội xuất hiện đột ngột
- ☐ c. Có thể mất ý thức kèm theo
- ☐ d. Có thể kèm ói

Question 9

Xuất huyết tử não biểu hiện của xuất huyết dưới nhện tự phát



Question 5

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Điều trị nội khoa xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình động mạch não

- ☐ a. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu
- ☐ b. Dự phòng co thắt mạch
- ☐ c. Điều trị an thần nhằm giảm lo lắng cho người bệnh
- ☒ d. Điều chỉnh huyết áp nhằm cân bằng nguy cơ tái vỡ và nguy cơ thiếu máu não

Question 6

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện

- ☐ a. Điều trị phẫu thuật kẹp cổ túi phình được lựa chọn một số vị trí
- ☐ b. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn trên tất cả bệnh nhân
- ☐ c. Tất cả các câu đều đúng
- ☐ d. Căn cứ sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh

6A



Question 7

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Điều trị xuất huyết dưới nhện tự phát

- ☐ a. Ngăn ngừa nguy cơ tái xuất huyết dưới nhện
- ☒ b. Tất cả các câu trên đều đúng
- ☐ c. Điều trị giãn não thất cấp
- ☐ d. Điều trị dự phòng co thắt mạch

Question 8

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Triệu chứng của xuất huyết dưới nhện

- ☒ a. Các ý trên đều đúng
- ☐ b. Đau đầu dữ dội xuất hiện đột ngột
- ☐ c. Có thể mất ý thức kèm theo
- ☐ d. Có thể kèm ói

Question 9

Not yet answered

Marked out of 1.00

Flag question

Xuất huyết tử não biểu hiện của xuất huyết dưới nhện tự phát



## Question 2

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Liên quan đến biểu hiện lâm sàng của bệnh lý u não, chọn câu sai:

- ☐ a. Luôn luôn có biểu hiện đau đầu
- ☐ b. Đau đầu là triệu chứng thường gặp.
- ☐ c. Co giật ở người trưởng thành có thể là triệu chứng duy nhất
- ☐ d. Rối loạn nội tiết có thể là triệu chứng của khối u não

## Question 3

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Bệnh nhân nam, 44T, nghề nghiệp kỹ sư xây dựng, đi khám khám vì tê ½ người phải. Qua khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân có cơn co giật đầu tiên cách nay khoảng 3 tháng, cơn kéo dài khoảng 2 phút và có mất ý thức trong cơn, sau cơn trở lại bình thường. Cơn tương tự xảy ra cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê ½ người bên phải. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất là gì?

THOÁT VỊ ĐĨA ĐỀ...p... ^

TVDD THẮT LƯNG..... ^

di tat cot song che..... ^

Hiện thị tất cả X



## Question 3

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Bệnh nhân nam, 44T, nghề nghiệp kỹ sư xây dựng, đi khám khám vì tê ½ người phải. Qua khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân có cơn co giật đầu tiên cách nay khoảng 3 tháng, cơn kéo dài khoảng 2 phút và có mất ý thức trong cơn, sau cơn trở lại bình thường. Cơn tương tự xảy ra cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê ½ người bên phải. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất là gì?

- ☐ a. Túi phình mạch máu não
- ☐ b. Xuất huyết não
- ☐ c. U não
- ☐ d. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính

## Question 4

Not yet

answered

Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não vùng thái dương là:

Question 1

4 5

...

:55

**Question 1**

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai:

- ☐ a. Hiện nay, tỉ lệ khối u di căn ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn
- ☐ b. Kết quả của việc điều trị phẫu thuật thường không khả quan do liên quan đến hệ thần kinh trung ương
- ☐ c. Việc điều trị u não hiện nay là sự kết hợp của nhiều phương pháp: phẫu thuật, xạ trị, hóa trị
- ☐ d. Khoảng 50% khối u ở não là u di căn

**Question 2**

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Liên quan đến biểu hiện lâm sàng của bệnh lý u não, chọn câu sai:

- ☐ a. Luôn luôn có biểu hiện đau đầu
- ☐ b. Đau đầu là triệu chứng thường gặp.
- ☐ c. Co giật ở người trưởng thành có thể là triệu chứng duy nhất

01115483873857\_3382141003160694811\_n.png

đại cương u não

X (2) Facebook

X U NAỒ

ing.ump.edu.vn/mod/quiz/attempt.php?attempt=87627&cmid=14592



Elearning

I HỌC Y DƯỢC

HÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẠI HỌC Y DƯỢC

ENGLISH (EN) v



**Question 4**

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não vùng thái dương là:

- ☐ a. Mất trí nhớ
- ☐ b. Mù mắt
- ☐ c. Rối loạn vận ngôn
- ☐ d. Chóng mặt

**Question 5**

Not yet

answered

Marked out of

1.00

Flag question

Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não dưới liều là:

- ☐ a. Co giật
- ☐ b. Đãng trí loạn choạng
- ☐ c. Yếu liệt
- ☐ d. Mất trí nhớ



THOÁT VI ĐỊA Đ...

TVDD THẮT LÚNG.....

đi tat cot song che.....

Hiện thị tất cả



6:13 CH